

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/DSPT

Ngày 18/3/2022

*“V/v tranh chấp hợp đồng
huê và hợp đồng vay tài sản.”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Ngọc Hà

Các Thẩm phán: Ông Trần Minh Quang
Ông Ngô Chịu

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Quang – Thẩm tra viên
Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Trần
Thị Thu Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử
phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2021/TLPT-DS ngày 29 tháng 11 năm
2021 về “tranh chấp hợp đồng huê và hợp đồng vay tài sản”. Do Bản án dân sự
sơ thẩm số 78A/2021/DS-ST ngày 19 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân
thành phố T bị kháng cáo; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số
13/2022/QĐPT-DS ngày 08 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Lê Thị M – sinh năm 1968; Địa chỉ cư trú: Khu phố 1,
phường P, TP. T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Trần Thanh L – sinh năm 1974; Địa chỉ cư trú: 127 Võ Văn T, khu
phố L2, phường 9, TP. T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

2.2. Bà Nguyễn Đình Uyên T – sinh năm 1973; Địa chỉ cư trú: 14^C/8 Lê
Thành P, Phường 8, TP T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

3. Người kháng cáo: bị đơn bà Nguyễn Đình Uyên T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ kèm theo và biên bản hòa giải
nguyên đơn Lê Thị M trình bày: Bà Nguyễn Đình Uyên T viết giấy nhận số tiền
240.000.000 đồng vào ngày 27/01/2011 Âm lịch do bà T hót huê đầu trong dây
huê tổng cộng 13 người chơi, bà M làm cái huê, mỗi người chơi đóng

20.000.000 đồng/tháng, nhân lên 12 người là 240.000.000 đồng (Bà T hót huê đầu nên không đóng 20.000.000 đồng). Bà T lấy số tiền này vào ngày 27/01/2011 Âm lịch và cam kết mỗi tháng đóng trả cho bà 20.000.000 đồng trong thời gian 12 tháng đến tháng 01 năm 2012 là hết.

Ngày 12/02/2011 Âm lịch, bà M cho ông Trần Thanh L là chồng bà T mượn số tiền 100.000.000 đồng. Trước khi ông L sang nhà bà lấy tiền thì cả hai vợ chồng cùng hỏi mượn tiền, ông L là người trực tiếp đi lấy, viết giấy mượn tiền cho bà M. Lý do cho mượn vì vợ chồng ông L có Công ty TNHH Gia Bảo, làm nghề xây dựng có uy tín nên tin tưởng. Tổng số tiền nợ 340.000.000 đồng, đến nay, Ông L, bà T không trả cho bà mặc dù bà có đòi nhiều lần. Thời điểm vợ chồng L, T ly hôn thì bà M không biết nên không yêu cầu trả nợ tại thời điểm ly hôn. Nay, nguyên đơn M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn L, T phải trả đủ một lần số tiền là 340.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn Nguyễn Đình Uyên T trình bày: Nguyên đơn trình bày số tiền 340.000.000 đồng trong đó có số tiền huê là 240.000.000 đồng (Bà T trực tiếp hót huê, viết giấy ngày 27/01/2011 Âm lịch) và tiền mượn 100.000.000 đồng do ông Trần Thanh L viết giấy mượn tiền ngày 12/02/2011 Âm lịch là đúng. Năm 2018, bà T đã ly hôn với ông Trần Thanh L theo Quyết định số 47/2018/QĐST-HNGĐ ngày 28/3/2018 của TAND thành phố T, không yêu cầu giải quyết vấn đề tài sản chung và nợ chung. Nay bà T không biết ông L đang ở đâu, chỉ biết hộ khẩu thường trú của ông L tại khu L-07, khu đô thị mới FBS, phường 9, Tp T (Khu phố L2, phường 9, Tp. T), Phú Yên. Còn từ năm 2018 thì ông L có thay đổi địa chỉ hộ khẩu thường trú ở đâu thì bà không rõ.

Bà T biết việc ông L đến nhà bà M, mượn tiền 100.000.000 đồng và viết giấy mượn tiền vì số tiền này để sử dụng chung vào việc gia đình. Số tiền 240.000.000 đồng thì bà T chơi huê, hót huê đầu, trực tiếp viết giấy nợ cho bà M 240.000.000 đồng. Số tiền này cũng sử dụng vào mục đích chung của vợ chồng nên ông L cũng biết việc bà chơi huê và nhận tiền huê, chấp nhận trả nợ nhưng không có ngay tiền để trả nợ cho bà M. Yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hiện nay, bị đơn T và L cũng đang có vụ kiện tại Tòa án nhân dân thành phố T liên quan đến việc tranh chấp Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với nguyên đơn ông Trần Ngọc T1 và bà Trần Thị Tố G (Em ruột của ông L) tại địa chỉ khu phố 2, phường P, Tp. T, Phú Yên. Bà T đề nghị Tòa án giải quyết chung trong vụ kiện trên để bà có thể trả được số nợ 340.000.000 đồng cho bà M.

Tòa án nhân dân thành phố T đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng do bị đơn ông Trần Thanh L vắng mặt nên

không tiến hành hòa giải được. Tòa án tiến hành thủ tục niêm yết các văn bản tổng đạt cho bị đơn Trần Thanh L tại địa chỉ thường trú của bị đơn theo quy định pháp luật.

* Ngày 10/01/2021, nguyên đơn Lê Thị M phát sinh đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời liên quan đến căn nhà số 31, đường 3/2, khu phố 2, phường P, Tp. T nhưng không nêu rõ biện pháp khẩn cấp nào. Tòa án nhân dân TP T đã ra Thông báo yêu cầu bổ sung, trong thời hạn quy định nhưng bà M không cung cấp được biện pháp khẩn cấp cụ thể áp dụng và các tài liệu chứng cứ chứng minh. Ngày 22/01/2021, Tòa án ra Thông báo số 40/2021/TB-TA về việc không áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

* Ngày 15/4/2021, Tòa án nhân dân Tp T nhận được Đơn xin vắng mặt của bị đơn Trần Thanh L, xin vắng mặt tại phiên tòa vì đang điều trị bệnh viện Quy Nhơn, xin trả khoản nợ của bà Lê Thị M trong thời gian sớm nhất có thể. Hiện ông L đang điều trị bệnh nên không có nguồn thu nhập.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 78A/2021/DSST ngày 19/10/2021 của Tòa án nhân dân Tp T đã quyết định:

Căn cứ Điểm b, khoản 1, Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Các Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 469, Điều 471 Bộ luật dân sự 2015.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn Lê Thị M; buộc bị đơn Nguyễn Đình Uyên T phải trả cho nguyên đơn Lê Thị M số tiền nợ huê 240.000.000 đồng (hai trăm bốn mươi triệu đồng), buộc bị đơn Trần Thanh L và bị đơn Nguyễn Đình Uyên T phải có nghĩa vụ trả nợ chung số tiền 100.000.000 đồng cho nguyên đơn, cụ thể bị đơn T phải trả 50.000.000 đồng, bị đơn L trả 50.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 21.10.2021 bị đơn bà Nguyễn Đình Uyên T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn bà T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Nguyên đơn cho rằng toàn bộ số tiền 340.000.000đ là do ông L, bà T sử dụng chung, nên buộc ông L, bà T phải có nghĩa vụ trả.

- Quan điểm của Viện kiểm sát tại phiên tòa: Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật, các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử Căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn Trần Thanh L và Nguyễn Đình Uyên T cùng trả nợ số tiền 340.000.000đ cho nguyên đơn (mỗi người trả 170.000.000đ).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Đình Uyên T, thấy rằng:

[1.1] Đối với khoản nợ 100.000.000đ: Tuy Giấy mượn tiền đề ngày 12/02/2011 ÂL chỉ có ông L viết và ký nhưng bà T chấp nhận số nợ 100.000.000đ, bà và ông L mỗi người trả 50.000.000đ cho bà Lê Thị M như cấp sơ thẩm quyết định là phù hợp pháp luật,

[1.2] Đối với khoản nợ 240.000.000đ, Hội đồng xét xử thấy rằng: khoản nợ huê 240.000.000 đồng mà bà T đã hót hui của bà M có nội dung: “Ngày 27/11/2011 ÂL, em có hót của chị M đầu huê 20.000.000đ (Hai chục triệu đồng chẵn), người chơi TC: 12 người”; bà Nguyễn Thị Đình T ký và ghi rõ họ tên. Xét thấy, trong thời gian này giữa bà T và ông L vẫn còn quan hệ vợ chồng, cùng nhau làm ăn lo gia đình, bà M tại phiên tòa trình bày nhà bà gần nhà cha mẹ ông L nên biết rõ ông L làm nghề xây dựng cần vốn, bà T là vợ hỗ trợ chồng vay vốn làm ăn là có cơ sở nên bà đã chấp nhận cho vay và cho hót huê đầu với số tiền 240.000.000đ, trong quá trình chơi, hót huê ông L có biết việc này nên yêu cầu cấp phúc thẩm buộc bà T, ông L có nghĩa cùng trả nợ số tiền 240.000.000đ cho bà. Đồng thời, trong quá trình thụ lý giải quyết tại cấp sơ thẩm cũng như phúc thẩm, ông L không đến Tòa để hòa giải, đối chất với bà T, bà M, không cung cấp tài liệu chứng minh bà T sử dụng số tiền hót huê 240.000.000đ vào mục đích cá nhân. Mặc khác, tại quyết định số 47/2018/QĐST-HNGĐ ngày 28.3.2018 của TAND thành phố T thì bà T, ông L cũng không yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung để xác định quyền, nghĩa vụ. Do đó, đủ căn cứ xác định số tiền 240.000.000đ được sử dụng chung cho gia đình trong thời kỳ còn hôn nhân nên bà T, ông L phải có nghĩa vụ đều nhau trả nợ cho bà M mỗi người 120.000.000đ là phù hợp pháp luật, chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà T và ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa, sửa án sơ thẩm.

[2] Về án phí: Bà T kháng cáo được chấp nhận, nên không phải chịu án phí DSPT.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Sửa bản án sơ thẩm.

Căn cứ Điểm b, khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Các Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 469, Điều 471 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị M. Buộc bị đơn bà Nguyễn Đình Uyên T và ông Trần Thanh L có nghĩa vụ trả nợ chung số tiền 340.000.000đ (Ba trăm bốn mươi triệu đồng) cho nguyên đơn bà Lê Thị M, cụ thể bị đơn Nguyễn Đình Uyên T phải trả 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng), bị đơn Trần Thanh L phải trả 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành án thì phải chịu thêm khoản lãi suất theo Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Về án phí: Bà Nguyễn Đình Uyên T và ông Trần Thanh L mỗi người phải chịu 8.500.000đ án phí DSST. Hoàn lại 300.000đ tiền tạm ứng án phí DSPT cho bà Nguyễn Đình Uyên T đã tạm nộp tại biên lai số 4796 ngày 02.11.2021 tại Chi cục THADS thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Hoàn lại cho bà Lê Thị M số tiền 8.500.000đ tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai số 0562 ngày 13.10.2020 tại Chi cục THADS thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND CC tại Đà Nẵng;
- VK SND tỉnh Phú Yên;
- TAND Tp T;
- Chi cục THADS Tp T;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Hà

